

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 NHẪM BẢO ĐẢM QUYỀN KHÔNG BỊ BẮT, GIAM GIỮ TÙY TIỆN CỦA BỊ CAN, BỊ CÁO TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

TRẦN THỊ THU HIỀN*

Hiến pháp năm 2013 đặt nền tảng cho cơ sở pháp lý bảo vệ quyền con người không bị bắt, giam giữ tùy tiện. Để cụ thể hóa điều trên, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định các nguyên tắc, căn cứ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền về việc bắt, giam giữ người theo quy định của pháp luật. Bài viết tập trung vào vấn đề hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nhằm bảo đảm quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện của bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự.

Từ khóa: Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; quyền con người; quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện; bị can; bị cáo.

The 2013 Constitution lays the legal foundation for protection of the rights that persons not to be subject to arbitrary arrest, detention. In order to specify these provisions, the 2015 Criminal Procedure Code stipulates the principles, bases, procedures, formalities and competence for arrest and detention in accordance with the law. The article focused on the completion of the provisions of the 2015 Criminal Procedure Code to guarantee the accused, defendant's right not be subject to arbitrary arrest, detention in the criminal proceedings.

Keywords: The 2015 Criminal Procedure Code; human rights; right not be subject to arbitrary arrest, detention; the accused; defendant.

NGÀY NHẬN: 16/7/2022

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 20/8/2022

NGÀY DUYỆT: 16/9/2022

1. Về quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện và bảo đảm quyền được không bị bắt, giam giữ tùy tiện

Trong tố tụng hình sự (TTHS), việc nhà nước tước tự do của các cá nhân vi phạm pháp luật nghiêm trọng đã luôn tồn tại trong lịch sử và sẽ còn tiếp tục là một phương thức chính đáng để nhà nước kiểm soát các cá

nhân trong thẩm quyền tài phán của mình¹. Tuy nhiên, xác định rõ ràng trường hợp nào một người bị cách ly khỏi xã hội, thời gian, mục đích, trình tự, thủ tục cách ly là vô cùng cần thiết. Quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện là tất cả những việc cá nhân được

* TS, Trường Đại học Luật Hà Nội

hưởng, được đòi hỏi nhằm bảo vệ mình khỏi việc bị bắt, giam giữ, cách ly khỏi xã hội một cách bất hợp pháp và bất công. Quyền này là cốt lõi của tự do và an ninh cá nhân².

Quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện được quy định tại Điều 9 của Tuyên ngôn quốc tế Nhân quyền (UDHR): “Không ai bị bắt, giam giữ hay lưu đày một cách tùy tiện” và được cụ thể hóa tại khoản 1 Điều 9 Công ước Quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR) năm 1966: “Mọi người đều có quyền hưởng tự do và an toàn cá nhân. Không ai bị bắt hoặc bị giam giữ vô cớ. Không ai bị tước quyền tự do trừ trường hợp việc tước quyền đó là có lý do và theo đúng những thủ tục mà luật pháp đã quy định”.

Khoản 2 - 5 Điều 9 ICCPR là quy định về thủ tục nhằm bảo đảm cho cá nhân được hưởng quyền này. Theo đó, quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện bao gồm: (1) Mọi người đều có quyền hưởng tự do an toàn cá nhân, không ai bị tước tự do trừ trường hợp việc tước tự do, đó là có lý do và theo đúng thủ tục mà luật pháp quy định; (2) Bất cứ người nào bị bắt giữ đều phải được thông báo về lý do họ bị bắt và phải được thông báo không chậm trễ về sự buộc tội đối với họ; (3) Bất cứ người nào bị bắt giữ đều phải được sớm đưa ra trước cơ quan tài phán có thẩm quyền và xét xử trong thời hạn hợp lý hoặc trả tự do.

Pháp luật là phương tiện chính thức hóa các giá trị xã hội của quyền con người (QCN). QCN khi đã được quy định trong pháp luật và trở thành quyền pháp định, là ý chí chung của toàn xã hội, được xã hội thừa nhận phục tùng, được quyền lực nhà nước tôn trọng bảo vệ và bảo đảm bằng bộ máy, cách thức tác động quyền lực của Nhà nước³. Trong pháp luật TTHS, cần phải xác định việc bảo đảm quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện là nguyên tắc cơ bản của TTHS; quy định các quyền tố tụng nhằm triển khai, thực hiện quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện; quy định về trách nhiệm của chủ thể tiến hành tố tụng trong việc thực hiện quyền không bị

bắt, giam giữ tùy tiện. Bảo đảm pháp lý trong TTHS còn là những quy định về thủ tục tố tụng liên quan đến việc thực hiện quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể tố tụng, loại trừ những sai lầm trong hoạt động tư pháp hình sự.

2. Thực trạng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 về bảo đảm quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện

Thứ nhất, Bộ luật TTHS năm 2015 ghi nhận nguyên tắc “bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể” tại Điều 10. Nguyên tắc này định hướng tới việc hình thành các quy phạm của *Bộ luật TTHS* trong việc hạn chế quyền tự do thân thể khi bắt buộc phải áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế do nhu cầu của quá trình giải quyết vụ án hình sự⁴. Việc ghi nhận nguyên tắc này thể hiện trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện bằng cách thiết lập các cơ chế hữu hiệu để quyền này trở thành hiện thực. Các nguyên tắc tố tụng khác, như: nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ QCN, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân (Điều 8); nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân, danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân (Điều 11), ở mức độ này hay mức độ khác, góc độ này hay góc độ khác đều liên quan đến việc bảo đảm quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện của bị can, bị cáo trong TTHS.

Thứ hai, Bộ luật TTHS năm 2015 ghi nhận các quyền tố tụng của bị can, bị cáo, như: quyền được nhận các quyết định tố tụng, quyền được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ. Các quyền tố tụng này là phương thức để thực hiện quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện. Quyền được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ giúp bị can, bị cáo hiểu được cặn kẽ các quyền và nghĩa vụ của mình, chủ động hơn trong việc triển khai các quyền khác.

Thứ ba, Bộ luật TTHS năm 2015 có những quy định về trách nhiệm của chủ thể tiến hành tố tụng trong việc thực hiện quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện của bị can, bị cáo. Nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền thi hành tố tụng (CQTHTT) bao gồm những công việc, hành vi mà cơ quan có CQTHTT buộc phải thực hiện để tạo điều kiện cho bị can, bị cáo thực hiện QCN của mình. Để bảo đảm quyền được giải thích về quyền và nghĩa vụ, Bộ luật TTHS năm 2015 có quy định trách nhiệm của cơ quan có CQTHTT phải thông báo, giải thích lý do, quyền và nghĩa vụ cho bị can, bị cáo trong các trường hợp họ bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn như bắt, tạm giữ⁵. Bộ luật TTHS năm 2015 cũng quy định cơ quan điều tra phải giao ngay các quyết định cho bị can, bị cáo trong thời gian sớm nhất nhằm bảo đảm quyền được nhận các quyết định tố tụng của bị can, bị cáo.

Thứ tư, trình tự, thủ tục tiến hành các biện pháp ngăn chặn như: bắt, tạm giữ, tạm giam trong Bộ luật TTHS năm 2015 cũng thể hiện sự tôn trọng và bảo đảm QCN. Các biện pháp ngăn chặn trên phải được quy định chặt chẽ với đầy đủ 5 yếu tố: căn cứ, thời hạn áp dụng, thẩm quyền quyết định, trình tự và thủ tục tiến hành. Bộ luật TTHS năm 2015 không chỉ quy định căn cứ chung áp dụng biện pháp ngăn chặn tại khoản 1 Điều 109 mà còn quy định căn cứ riêng để áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam. Về thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn để bảo đảm tính thận trọng, Bộ luật TTHS năm 2015 quy định thẩm quyền chỉ thuộc về những người đứng đầu các cơ quan tiến hành tố tụng (CQTHTT). Về thời hạn áp dụng, thời hạn này, một mặt, phải bảo đảm ở mức cao nhất QCN, quyền công dân, mặt khác phải bảo đảm cho CQTHTT đủ thời gian để hoàn thành nhiệm vụ của mình. Thời hạn tạm giữ là 3 ngày, được gia hạn thêm nhưng không quá 9 ngày. Thời hạn tạm giam được quy định tùy thuộc vào từng giai đoạn trong TTHS, nhìn chung không vượt quá thời hạn

giải quyết vụ án trong giai đoạn đó. Các biện pháp ngăn chặn bắt bị can, bị cáo để tạm giữ, tạm giam đều phải có lệnh, quyết định của người có thẩm quyền trong đó ghi rõ họ tên, địa chỉ người bị áp dụng, lý do, thời hạn áp dụng và các nội dung khác quy định tại Điều 132 Bộ luật TTHS năm 2015.

3. Thực trạng bảo đảm quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện của bị can, bị cáo

Thời gian qua, các CQTHTT có chuyển biến tích cực trong việc giải quyết vụ án, phát hiện, xử lý hiệu quả hành vi phạm tội đi đôi với bảo đảm QCN của bị can, bị cáo. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn được các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét thận trọng, có căn cứ, các trường hợp bắt, tạm giữ, tạm giam được tiến hành về cơ bản đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đã đạt được, vẫn còn tồn tại những hạn chế, cụ thể:

Một là, còn tình trạng bắt, tạm giữ, tạm giam không có căn cứ hoặc không cần thiết. Trong 7 năm gần đây, số lượng người bị tạm giữ sau đó cơ quan bắt giữ trả tự do chiếm một tỷ lệ đáng kể trên tổng số người bị tạm giữ. Năm 2015, tỷ lệ này là 1,5%, năm 2016 là 2,8%, năm 2017 là 2,3%, năm 2018 là 1,9%, năm 2019 là 1,6%, năm 2020 là 1,7%, năm 2021 là 1,1%⁶. Đối với biện pháp ngăn chặn tạm giam, số bị can bị tạm giam sau đó được trả tự do khi có quyết định đình chỉ từ năm 2015 - 2021 trung bình là hơn 200 trường hợp⁷. Điều này cho thấy, CQTHTT xác định căn cứ tạm giữ, tạm giam không chính xác, đôi khi lạm dụng biện pháp ngăn chặn trên, gây ảnh hưởng đến quyền không bị bắt, giam giữ tùy tiện của bị can, bị cáo.

Hai là, tình trạng quá hạn tạm giữ, tạm giam còn tiếp diễn. Số bị can, bị cáo quá hạn tạm giam cụ thể năm 2015 là 445; năm 2016 là 373; năm 2017 là 339; năm 2018 là 138; năm 2019 là 50; năm 2020 là 44; năm 2021 là 73⁸. Phần lớn các trường hợp quá hạn tạm giam chủ yếu thuộc trách nhiệm của tòa án,

tòa án hủy bản án, trả hồ sơ để điều tra lại nên thời hạn tạm giam bị kéo dài nhiều năm, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Ba là, việc thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong một số trường hợp chưa chính xác, chưa hợp lý. Việc thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú chưa đúng theo quy định tại Điều 121, 122, 123 và Điều 125 *Bộ luật TTHS* năm 2015⁹. Đặc biệt là việc tiếp tục duy trì biện pháp tạm giam của cơ quan điều tra trong một số trường hợp cũng không cần thiết, do vậy các trường hợp cơ quan điều tra gia hạn tạm giam nhưng viện kiểm sát không nhất trí tuy chỉ chiếm số lượng khiêm tốn nhưng vẫn xảy ra, trung bình khoảng 19,4 bị can/năm¹⁰.

Bốn là, một số thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn còn chậm trễ hoặc sai sót trong áp dụng các biện pháp ngăn chặn, như: biên bản bắt không có người chứng kiến; quyết định tạm giữ không ghi rõ thời gian tạm giữ, ghi sai ngày. Tòa án không ra quyết định tạm giam để bảo đảm thi hành án¹¹. Một số thủ tục tiến hành không bảo đảm tiến độ được quy định trong *Bộ luật TTHS* năm 2015, như: cơ quan điều tra chậm bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, chậm đưa người có quyết định tạm giữ đến cơ sở giam giữ, chậm chuyển biên bản bắt, lệnh tạm giam, quyết định phê chuẩn của viện kiểm sát, tòa án chậm gửi quyết định tạm giam...

4. Một số kiến nghị

Thứ nhất, về thủ tục giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Trường hợp tàu bay, tàu biển đã rời sân bay, bến cảng, việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 113 *Bộ luật TTHS* năm 2015. Tuy nhiên, trong quy định trên không đề cập đến người chứng kiến trong trường hợp giữ người trên tàu bay, tàu biển là

ai. Việc pháp luật tố tụng không có quy định cụ thể dẫn đến lúng túng, tùy tiện của cơ quan có thẩm quyền trong áp dụng pháp luật và bộc lộ tính thiếu chặt chẽ, đầy đủ của quy định về biện pháp ngăn chặn. Do đó, cần quy định thêm tại khoản 3 Điều 110 nội dung: “Khi tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp trên tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển rời khỏi sân bay, bến cảng phải có sự chứng kiến của người có mặt trên tàu bay, tàu biển đó”.

Thứ hai, về biện pháp ngăn chặn tạm giữ.

Theo quy định khoản 2 Điều 117 *Bộ luật TTHS* năm 2015 thì người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng có quyền ra quyết định tạm giữ. Tuy nhiên, khoản 4 Điều 110 *Bộ luật TTHS* năm 2015 quy định cơ quan điều tra nơi có sân bay hoặc bến cảng đầu tiên tàu trở về sẽ ra quyết định tạm giữ. Như vậy, quy định của khoản 2 Điều 117 và điểm 4 Điều 110 không tương thích với nhau. Tạm giữ là biện pháp ngăn chặn ảnh hưởng đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của người bị áp dụng, để bảo đảm QCN, hạn chế vi phạm từ các CQTHTT, việc thu hẹp diện những người có thẩm quyền áp dụng biện pháp này là cần thiết. Người chỉ huy tàu bay, tàu biển về bản chất không phải là người trong cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, không được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ điều tra để xác định chính xác căn cứ tạm giữ, do đó, không nên quy định cho họ việc quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Do vậy, khoản 2 Điều 117 nên sửa đổi, bổ sung như sau: “Những người có thẩm quyền ra lệnh giữ người quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 110 của *Bộ luật* này có quyền ra quyết định tạm giữ”.

Thứ ba, về căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam.

Khoản 1 Điều 119 *Bộ luật TTHS* năm 2015 xác định căn cứ tạm giam chỉ dựa trên

tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Điều này là không hợp lý vì tính chất, mức độ nguy hại cho xã hội cao hay thấp của hành vi phạm tội không phải là cơ sở để suy đoán bị can, bị cáo có khả năng bỏ trốn hay gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam phải là căn cứ có thật, dự báo khả năng thực tế có thể xảy ra việc bị can, bị cáo bỏ trốn hoặc cản trở hoạt động tố tụng hay tiếp tục gây án chứ không phải suy diễn từ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà họ bị cho là đã thực hiện. Việc suy diễn tùy tiện trong lập pháp tạo ra các kẽ hở pháp lý cho các hành vi xâm phạm QCN, quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân. Do đó, căn cứ người bị buộc tội tiếp tục phạm tội hoặc cản trở, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án phải được xem là căn cứ chủ yếu để xem xét, quyết định áp dụng tạm giam. Đồng thời, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn cần sự khẩn trương, nhanh chóng để đạt được mục đích ngăn chặn. Sẽ là khó khăn khi buộc các cơ quan có thẩm quyền xác định hành vi phạm tội đó thuộc loại ít nghiêm trọng, nghiêm trọng hay rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng khi quyết định áp dụng biện pháp này. Do vậy, cần sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 119 thành: “Tạm giam có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo phạm tội mà *Bộ luật Tố tụng hình sự* quy định hình phạt tù trên 2 năm khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong các trường hợp:

a. Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm.

b. Không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can.

c. Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có dấu hiệu bỏ trốn.

d. Tiếp tục phạm tội hoặc có dấu hiệu tiếp tục phạm tội.

e. Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài

liệu sai sự thật, tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án, đe dọa, khống chế trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này”.

Một vấn đề hay gặp trên thực tế là bị can bị tạm giam trong giai đoạn điều tra thường tiếp tục bị tạm giam trong giai đoạn truy tố. Quy định tại Điều 241 *Bộ luật TTHS* năm 2015 về việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế của Viện Kiểm sát khá chung chung, không có căn cứ cụ thể để thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam. Do đó, nếu thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam, kiểm sát viên dễ bị nghi ngờ có tiêu cực vì không có căn cứ pháp lý rõ ràng¹². Tạm giam trước xét xử là một vấn đề nhạy cảm, dễ ảnh hưởng đến các QCN của cá nhân. Việc giam giữ trước khi xét xử làm suy yếu cơ hội được xét xử công bằng và giả định vô tội. Nó làm gia tăng nguy cơ thú tội hoặc bị ép buộc khai báo bằng tra tấn hoặc đối xử tệ bạc¹³ và “làm giảm khả năng bào chữa của nghi phạm, đặc biệt khi người đó nghèo và không thể dựa vào luật sư bào chữa hoặc hỗ trợ pháp lý để có được bằng chứng có lợi cho mình”¹⁴. Bình luận chung số 8, thông qua tại kỳ họp thứ 16 năm 1982, Ủy ban Nhân quyền (HRC) - cơ quan giám sát ICCPR đưa ra khuyến nghị về việc tạm giam như sau: “Việc tạm giam trước khi kết án chỉ nên coi là ngoại lệ và càng ngắn càng tốt”. Vì vậy, cần quy định rõ ràng, cụ thể căn cứ Viện Kiểm sát tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam trong giai đoạn truy tố. Nếu không đáp ứng được căn cứ này, Viện Kiểm sát phải hủy bỏ hoặc thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam sang biện pháp khác ít nghiêm khắc hơn. Đặc biệt, trường hợp trong giai đoạn trước đó, bị can không bị tạm giam, viện kiểm sát cần xem xét có tình tiết mới nào làm thay đổi tình trạng của bị can, có thuộc các căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam hay không rồi mới đưa ra quyết định. Theo đó,

Điều 241 nên bổ sung thêm nội dung: “Đối với biện pháp ngăn chặn tạm giam, Viện Kiểm sát chỉ áp dụng tạm giam bị can sau khi xem xét, đánh giá căn cứ tạm giam bị can và lý do không thể áp dụng biện pháp ngăn chặn khác đối với họ. Trường hợp bị can trước đó không bị tạm giam, Viện Kiểm sát phải xem xét, đánh giá những tình tiết mới chứng minh sự cần thiết phải áp dụng biện pháp này”.

Thứ tư, về trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền không bị giam, giữ tùy tiện của bị can, bị cáo.

Đối với thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, Bộ luật TTHS năm 2015 đang thiếu những quy định về giao gửi các quyết định thay đổi, hủy bỏ, áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bị can, bị cáo. Điều này có nguy cơ dẫn đến vi phạm của các CQTHTT, chậm trễ hoặc không gửi các quyết định trên cho bị can, bị cáo. Đồng thời, việc thiếu những quy định trên làm ảnh hưởng đến sự khách quan, công khai, minh bạch của tiến trình tố tụng. Vì vậy, cần bổ sung nghĩa vụ của các CQTHTT trong việc giao, gửi quyết định cho bị can, bị cáo trong trường hợp thay đổi, hủy bỏ, áp dụng biện pháp ngăn chặn. Đây là điều kiện quan trọng để quyền được nhận các quyết định tố tụng của bị can, bị cáo được bảo đảm thực thi trong TTHS □

Chú thích:

1. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm nghiên cứu quyền con người và quyền công dân. *Giới thiệu công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị*. H. NXB Hồng Đức, 2012, tr. 151.

2. Trịnh Tiến Việt. *Bảo vệ tự do và an ninh cá nhân bằng pháp luật hình sự Việt Nam*. H. NXB Tư pháp, 2015, tr. 43.

3. Phan Thị Thanh Mai. *Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội*. Tạp chí Khoa học kiểm sát, số 2/2019, tr. 26.

4. Nguyễn Ngọc Chí. *Giáo trình các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng hình sự*. H. NXB Đại học Quốc gia, 2018, tr. 140.

5. Khoản 2 Điều 113, khoản 3 Điều 117 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

6. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân từ năm 2015 - 2021*. Hà Nội, 2021.

7. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân từ năm 2015 - 2021: “năm 2015 là 396 trường hợp; năm 2016 là 385 trường hợp; năm 2017 là 199 trường hợp; năm 2018 là 179 trường hợp; năm 2019 là 148 trường hợp; năm 2020 là 124 trường hợp; năm 2021 là 166 trường hợp”*.

8. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân từ năm 2015 - 2021. Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án từ năm 2015 - 2021*. Hà Nội, 2021.

9. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. *Báo cáo số 07/BC-V8 ngày 16/12/2019 tổng kết công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án năm 2019*, tr. 2.

10. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. *Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân từ năm 2015 - 2021: “năm 2015 số bị can viện kiểm sát không gia hạn tạm giam là 11, 2016 là 63, năm 2017 là 30, năm 2018 là 13, năm 2019 là 0, năm 2020 là 14, năm 2021 là 5”*.

11. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. *Báo cáo số 07/BC-V8 ngày 16/12/2019 tổng kết công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án năm 2019*, tr. 4.

12. Nguyễn Ngọc Kiện. *Bảo đảm quyền của người bị tạm giam theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 14, tháng 7/2020.

13. Penal reform international. *Pre-trial detention: Addressing risk factors to prevent torture and ill-treatment*, Second edition. P. 1.

14. Tiểu ban Liên hiệp quốc về phòng, chống tra tấn (SPT). *Báo cáo về Paraguay*, ngày 07/6/2010, CAT/OP/PRY/1, đoạn 46.

Tài liệu tham khảo:

1. Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài “Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 nhằm bảo đảm quyền con người của bị can, bị cáo” của Trường Đại học Luật Hà Nội, 2022.